

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2016/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 23 tháng 9 năm 2016

SỞ TƯ PHÁP TRÀ VINH	
Số: 282	ĐẾN
Ngày: 28/9/16	
Chuyển:	

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy,
biên chế đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17/8/2006 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Để thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

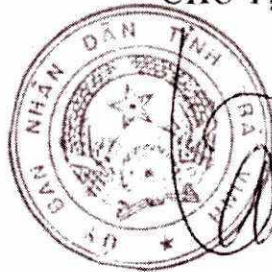
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày .04.. tháng .10.. năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng CP (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- BLDVP;
- Các Phòng, đơn vị thuộc VP;
- Lưu: VT, NCNC. 85b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đông Văn Lâm

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là Sở, Ban, ngành tỉnh).

2. Chi cục và tổ chức tương đương Chi cục trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh).

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

4. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện).

5. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Thực hiện đúng các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

2. Phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

3. Bảo đảm bộ máy tinh gọn, phù hợp với tình hình thực tế; tạo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý; tránh trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan, đơn vị.

4. Phân cấp phải gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra; nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của người đứng đầu các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị.

5. Đối với các nội dung về tổ chức bộ máy, biên chế đã được quy định của Luật, các văn bản của Chính phủ hoặc của cơ quan Trung ương có thẩm quyền thì thực hiện theo các quy định đó.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ** **VỀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ**

Mục 1 **QUẢN LÝ TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 4. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đề án thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

b) Trình cấp có thẩm quyền Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, Ban, ngành tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, đổi tên, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ trường hợp văn bản pháp luật có quy định khác);

Trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung nêu trên phải đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

b) Quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định việc chuyển đổi loại hình đơn vị sự nghiệp công lập theo văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

d) Quyết định việc thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể, thay đổi thành viên các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Thẩm định về nội dung đối với dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở, Ban, ngành tỉnh.

4. Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản với Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Có ý kiến bằng văn bản với Sở, Ban, ngành tỉnh về nội dung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; việc thành lập, sáp nhập, chia tách, đổi tên các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; việc thay đổi tên gọi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

6. Có ý kiến bằng văn bản với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thay đổi tên gọi các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (trừ các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 Quy định này).

7. Phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Bộ, ngành Trung ương.

8. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Thẩm định và có ý kiến bằng văn bản với Sở, Ban, ngành tỉnh về việc thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể, thay đổi thành viên các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh

1. Xây dựng Đề án và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở, Ban,

ngành tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Xây dựng Đề án và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thay đổi tên gọi các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

4. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

5. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc chuyển đổi loại hình đơn vị sự nghiệp công lập theo văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

6. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thành lập, kiện toàn, sáp nhập, giải thể, thay đổi thành viên các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

7. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

8. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

9. Quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, đổi tên các phòng chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

10. Quyết định phân loại, xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

11. Đối với Trường Đại học Trà Vinh, việc thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc Trường Đại học Trà Vinh do Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh quyết định, sau khi có văn bản thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh hoặc cơ quan có thẩm quyền.

Trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này phải đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trình Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh.

Mục 2

QUẢN LÝ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP NGÀY 17/11/2000 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 9. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trình Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc của tỉnh theo từng năm.

b) Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao, số lượng người làm việc được Bộ Nội vụ phê duyệt, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc giao cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh.

c) Quyết định giao biên chế công chức cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Đối với số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt:

- Quyết định giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quyết định giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đối với các cơ quan, đơn vị chưa được phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

- Quyết định giao tổng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cho Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, đối với những cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

d) Quyết định giao số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

d) Hàng năm, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Trà Vinh theo quy định.

2. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý, sử dụng hiệu quả biên chế công chức, số lượng người làm việc phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo định kỳ hàng năm.

Điều 10. Thẩm quyền và trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm của các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ theo quy định.

2. Dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng biên chế công chức giao cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, cơ quan trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao.

3. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số người làm việc giao cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh; giao số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; giao số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa được phê duyệt Đề án vị trí việc làm.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các Sở, Ban, ngành tỉnh, cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi trao đổi với Sở Tài chính).

6. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đối với các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

7. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh

1. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế công chức do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh, bảo đảm theo vị trí việc làm.

3. Căn cứ vào chỉ tiêu số lượng người làm việc do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định giao chỉ tiêu số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc do Đề án vị trí việc làm chưa được phê duyệt).

4. Ký hợp đồng lao động một số loại công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP vào làm việc tại Sở, Ban, ngành tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Thẩm định hồ sơ và cho chủ trương để Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc báo cáo về tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý theo quy định.

7. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của Sở, Ban, ngành tỉnh, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

8. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi của Sở, Ban, ngành tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, gửi Sở Nội vụ thẩm định.

2. Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế công chức do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo vị trí việc làm.

3. Căn cứ vào chỉ tiêu số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, quyết định giao chỉ tiêu số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo vị trí việc làm (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

4. Thẩm định hồ sơ và cho chủ trương để Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ký hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

5. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý báo cáo về tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và lập kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc cơ quan, đơn vị theo định kỳ hàng năm.

6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc cơ quan, đơn vị đảm bảo theo vị trí việc làm.

2. Ký hợp đồng lao động một số loại công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP vào làm việc tại cơ quan, đơn vị, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan chủ quản.

3. Hàng năm, xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc cơ quan, đơn vị quản lý, gửi cơ quan chủ quản tổng hợp theo quy định.

4. Báo cáo cơ quan chủ quản về tình hình sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc cơ quan, đơn vị quản lý theo định kỳ hàng năm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

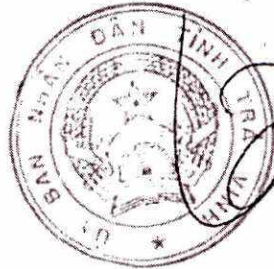
Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này đến Sở, Ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện Quy định này.

2. Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Thủ trưởng Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đông Văn Lâm